ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Đánh giá, phân loại theo Khung năng lực số cho công dân thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, phương pháp, thang điểm, tiêu chí chấm điểm, phân loại mức năng lực số và tổ chức thực hiện đánh giá năng lực số đối với công dân trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Khung Năng lực số cho công dân thành phố Hà Nội (gọi tắt là HanoiDCFC).

2. Quy chế áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, Tổ chuyển đổi số cộng đồng (sau đây gọi tắt là đơn vị) tham gia tổ chức triển khai, hỗ trợ và phối hợp thực hiện HanoiDCFC và công dân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, phân loại

1. Bảo đảm khách quan, minh bạch và định lượng: Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở hệ thống tiêu chí, thang điểm và minh chứng cụ thể; hạn chế tối đa việc phụ thuộc vào khai báo chủ quan của người được đánh giá.

2. Đánh giá theo năng lực thực thi: Ưu tiên đo lường khả năng thực hiện các dịch vụ số trong đời sống số của công dân, gắn với việc sử dụng các dịch vụ số phổ biến của thành phố Hà Nội như: iHanoi, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, định danh điện tử và bảo đảm an toàn thông tin,...

3. Kết hợp đa phương thức đánh giá: Việc đánh giá được thực hiện theo mô hình kết hợp giữa đánh giá nhận thức và đánh giá thực hành (dựa theo tình huống thực tế), bảo đảm phản ánh đầy đủ năng lực sử dụng công nghệ số trong thực tiễn.

4. Bảo đảm tính bao trùm và tiếp cận công bằng: Tổ chức đánh giá phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau, góp phần phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng dân cư.

5. Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư: Quá trình đánh giá và xử lý kết quả phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, sử dụng đúng mục đích, bảo mật thông tin và an toàn hệ thống trong toàn bộ quy trình đánh giá và tích hợp dữ liệu.

6. Chu kỳ đánh giá, phân loại: Kết quả đánh giá, phân loại được thực hiện định kỳ ít nhất 1 lần/năm để bảo đảm năng lực số của công dân được duy trì, cập nhật.

Điều 3. Thẩm quyền trong việc tổ chức, thực hiện đánh giá, phân loại

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Là cơ quan đầu mối có trách nhiệm hướng dẫn triển khai việc đánh giá, phân loại năng lực số và quyết định ban hành mẫu, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành đánh giá năng lực số theo từng mức độ cho công dân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hoạt động đánh giá, phân loại và cấp Giấy chứng nhận không phải là thủ tục hành chính và không phát sinh chi phí của công dân. Việc cấp Giấy chứng nhận được thực hiện dưới dạng điện tử (cấp tự động thông qua hệ thống sau khi công dân hoàn thành việc tự đánh giá), gửi đến tài khoản định danh điện tử của công dân.

- Chủ trì xây dựng, quản lý và vận hành "Hệ thống đánh giá trực tuyến năng lực số cho công dân" bảo đảm thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội, an toàn, bảo mật dữ liệu; tích hợp, liên thông với ứng dụng định danh điện tử - VNeID để gửi Giấy chứng nhận đến công dân; tích hợp trên nền tảng số iHanoi.

- Tổ chức tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả đánh giá, phân loại phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Có trách nhiệm tổ chức triển khai việc đánh giá tại địa bàn; tuyên truyền, hướng dẫn công dân trên địa bàn tham gia tự đánh giá trên "Hệ thống đánh giá trực tuyến năng lực số cho công dân".

3. Các đơn vị tham gia đào tạo, tập huấn năng lực số cho công dân chủ động tổ chức cho công dân tự đánh giá trên "Hệ thống đánh giá trực tuyến năng lực số cho công dân".

4. Công dân trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi tham gia các khóa đào tạo trực tuyến hoặc trực tiếp có thể tham gia tự đánh giá trên "Hệ thống đánh giá trực tuyến năng lực số cho công dân" tại website chính thức do Sở Khoa học và Công nghệ công bố và trên nền tảng số iHanoi.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI THEO KHUNG NĂNG LỰC SỐ CHO CÔNG DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều 4. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

a) Đánh giá nhận thức:

(i) **Kiến thức số:** Mức độ hiểu biết về chuyển đổi số, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; khả năng nhận thức vai trò, lợi ích và rủi ro của công nghệ số trong đời sống.

(ii) **Sử dụng thiết bị số và phần mềm:** Mức độ tự tin khi sử dụng thiết bị số (điện thoại, máy tính) và các ứng dụng phổ biến; khả năng tự cài đặt, vận hành và xử lý các thao tác cơ bản.

(iii) **Khai thác thông tin và dữ liệu số:** Khả năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá và quản lý thông tin; mức độ nhận thức về tin giả, thông tin sai lệch và nội dung do AI tạo ra.

(iv) **Giao tiếp và cộng tác trên môi trường số:** Mức độ tham gia và tương tác trên môi trường số; khả năng giao tiếp, chia sẻ thông tin, tuân thủ quy tắc ứng xử và quản lý danh tính số.

(v) **Sáng tạo nội dung số:** Mức độ tham gia tạo lập nội dung số; khả năng sử dụng công cụ số và AI để tạo nội dung; nhận thức về bản quyền và trách nhiệm khi chia sẻ nội dung.

(vi) **Bảo vệ An toàn:** Nhận thức về bảo vệ thiết bị, dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư; khả năng nhận diện rủi ro, lừa đảo và bảo đảm an toàn khi tham gia môi trường số.

(vii) **Giải quyết vấn đề bằng công nghệ số:** Khả năng nhận diện nhu cầu, lựa chọn công cụ số phù hợp; mức độ chủ động sử dụng công nghệ để giải quyết vấn đề trong học tập, công việc và đời sống.

b) Đánh giá thực hành theo tình huống:

(i) **Kiến thức số:** Thực hiện lựa chọn và sử dụng dịch vụ số phù hợp trong tình huống cụ thể; nhận diện lợi ích, rủi ro khi sử dụng công nghệ số và AI trong thực tế.

(ii) **Sử dụng thiết bị số và phần mềm:** Thực hành thao tác trên thiết bị số (điện thoại thông minh, máy tính); cài đặt, sử dụng ứng dụng; xử lý các lỗi cơ bản; thiết lập kết nối và cấu hình thiết bị phục vụ nhu cầu thực tế.

(iii) **Khai thác thông tin và dữ liệu số:** Thực hiện tìm kiếm, lọc và kiểm chứng thông tin theo yêu cầu; đánh giá độ tin cậy của nguồn tin; nhận diện tin giả, nội dung sai lệch hoặc nội dung do AI tạo ra.

(iv) **Giao tiếp và cộng tác trên môi trường số:** Thực hiện giao tiếp, trao đổi thông tin qua các nền tảng số; chia sẻ dữ liệu đúng quy định; sử dụng dịch vụ số; áp dụng quy tắc ứng xử và quản lý danh tính số trong tình huống cụ thể.

(v) **Sáng tạo nội dung số:** Tạo và chỉnh sửa nội dung số (văn bản, hình ảnh, video ngắn…); sử dụng công cụ số và AI để hỗ trợ tạo nội dung; bảo đảm tuân thủ quy định về bản quyền và trách nhiệm khi chia sẻ.

(vi) **Bảo vệ An toàn:** Thực hiện các biện pháp bảo vệ thiết bị, dữ liệu cá nhân; thiết lập bảo mật; nhận diện và xử lý tình huống lừa đảo, rủi ro trên môi trường số; bảo đảm an toàn khi sử dụng công nghệ.

(vii) **Giải quyết vấn đề bằng công nghệ số:** Lựa chọn và sử dụng công cụ số phù hợp để giải quyết tình huống thực tế; xử lý sự cố kỹ thuật cơ bản; ứng dụng công nghệ số và AI để hỗ trợ ra quyết định và nâng cao hiệu quả công việc.

2. Phương pháp đánh giá:

a) Đánh giá nhận thức: Thực hiện thông qua các bài kiểm tra trắc nghiệm nhận thức dựa theo các tình huống thực tế trên "Hệ thống đánh giá trực tuyến năng lực số cho công dân".

b) Đánh giá thực hành theo tình huống: Thực hiện thông qua các bài kiểm tra thực hành mô phỏng tình huống gắn với kịch bản thực tế trên "Hệ thống đánh giá trực tuyến năng lực số cho công dân".

c) Các bài kiểm tra được thiết kế chuẩn hóa theo các mức năng lực của Khung HanoiDCFC (Cơ bản, Trung cấp, Nâng cao, Dẫn dắt/Chuyên sâu).

Điều 5. Thang điểm và cơ cấu đánh giá

1. Tổng điểm đánh giá năng lực số của công dân là 100 điểm.

2. Điểm đánh giá được phân bổ như sau:

a) Đánh giá nhận thức: 40 điểm.

- Kiến thức số: 4 điểm;
- Sử dụng thiết bị số và phần mềm: 6 điểm;
- Khai thác thông tin và dữ liệu số: 6 điểm;
- Giao tiếp và cộng tác trên môi trường số: 6 điểm;
- Sáng tạo nội dung số: 6 điểm;
- Bảo vệ An toàn: 6 điểm;
- Giải quyết vấn đề bằng công nghệ số: 6 điểm.

b) Đánh giá thực hành theo tình huống: 60 điểm.

- Kiến thức số: 8 điểm;
- Sử dụng thiết bị số và phần mềm: 8 điểm;
- Khai thác thông tin và dữ liệu số: 9 điểm;
- Giao tiếp và cộng tác trên môi trường số: 9 điểm;
- Sáng tạo nội dung số: 9 điểm;
- Bảo vệ An toàn: 9 điểm;
- Giải quyết vấn đề bằng công nghệ số: 8 điểm.

Điều 6. Phân loại mức năng lực

Căn cứ tổng điểm được tính tại Điều 5 của quy chế này, phân loại mức năng lực như sau:

1. Tổng điểm từ 50 đến 60: Đạt Mức 1 - Cơ bản;

2. Tổng điểm từ 61 đến 80: Đạt Mức 2 - Trung cấp;

3. Tổng điểm từ 81 đến 90: Đạt Mức 3 - Nâng cao;

4. Tổng điểm từ 91 đến 100: Đạt Mức 4 - Dẫn dắt/Chuyên sâu.

Yêu cầu phải đạt tối thiểu 50% điểm mỗi nội dung (Đánh giá nhận thức, Đánh giá thực hành theo tình huống) để được công nhận mức.

Điều 7. Sử dụng kết quả đánh giá, phân loại

1. Kết quả đánh giá, phân loại năng lực số là cơ sở để theo dõi, phân tích mức độ phát triển năng lực số của công dân theo từng giai đoạn, địa bàn và nhóm đối tượng; là căn cứ phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, xây dựng chương trình đào tạo, phát triển công dân số và thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Công dân được phân loại đạt Mức 4 (Dẫn dắt/Chuyên sâu) được khuyến khích tham gia Tổ chuyển đổi số cộng đồng, hỗ trợ, hướng dẫn tại các chương trình đào tạo, tập huấn do Tổ chuyển đổi số cộng đồng tổ chức; từng bước hình thành và triển khai mô hình "Lan tỏa năng lực số cộng đồng" để phát huy vai trò của các cá nhân có năng lực số cao tham gia hỗ trợ, hướng dẫn cộng đồng, góp phần nâng cao năng lực số toàn dân một cách bền vững.

3. Khuyến khích các đơn vị tham gia xây dựng, cung cấp học liệu, tổ chức và hỗ trợ đào tạo, đóng góp nguồn lực phát triển năng lực số cho công dân trên địa bàn Thành phố.

4. Sử dụng kết quả đánh giá, phân loại năng lực số của công dân trên địa bàn các xã, phường gắn kết quả đánh giá với các phong trào thi đua, xây dựng đời sống văn hóa ở tổ dân phố nhằm tạo động lực thực chất trong chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số cho người dân trên địa bàn Thành phố.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu UBND thành phố Hà Nội tổ chức triển khai Quy chế này thống nhất trên toàn Thành phố.

b) Ban hành hướng dẫn chuyên môn, quy trình đánh giá, phân loại, bộ tiêu chí, ngân hàng câu hỏi và kịch bản tình huống phục vụ đánh giá.

c) Tổ chức tổng hợp, phân tích, khai thác dữ liệu kết quả đánh giá phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và phát triển công dân số.

d) Định kỳ đánh giá, rà soát, cập nhật nội dung đánh giá, phân loại phù hợp với sự phát triển của công nghệ và yêu cầu thực tiễn.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công tại Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn công dân tham gia đánh giá năng lực số trên địa bàn.

b) Bố trí lực lượng hỗ trợ tại cơ sở; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai đánh giá tại địa bàn; theo dõi, đôn đốc việc tham gia của công dân.

c) Tổng hợp tình hình, kết quả triển khai và phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời xử lý.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công tại Quy chế này.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo

a) Chủ động tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn công dân tham gia đánh giá năng lực số.

b) Lồng ghép nội dung đánh giá năng lực số vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng.

c) Tham gia xây dựng, cung cấp học liệu, nội dung đào tạo và hỗ trợ triển khai nâng cao năng lực số cho cộng đồng.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.